

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
1	450301	Nguyễn Ngọc Khôi	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.9	8.9	9.8			8.75	9.8	9.25	27.8	27.8		Đỗ NV1 - Lần 1
2	861058	Thiều Minh Dũng	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.3	9.6			9	9.6	9	27.6	27.6		Đỗ NV1 - Lần 1
3	450093	Lê Hồng Thái Bảo	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.6	9.1			8.25	9.6	9.5	27.35	27.35		Đỗ NV1 - Lần 1
4	450619	Lê Thị Thu Uyên	29/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	9	8.9			8.5	9.2	9.5	27.2	27.2		Đỗ NV1 - Lần 1
5	861189	Trần Thị Bảo Ninh	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.4	9.4			8.75	9.4	9	27.15	27.15		Đỗ NV1 - Lần 1
6	450211	Lê Thị Minh Hà	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.4	9.2	9.7			9	9.6	8.5	27.1	27.1		Đỗ NV1 - Lần 1
7	861497	Nguyễn Linh Đan	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.4	8.9			8.25	9.8	9	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
8	861028	Phạm Vũ Duy Anh	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.8	8.6	9.7			8.5	9.8	8.75	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
9	862131	Nguyễn Khánh Linh	22/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	9.2	9.6			8.5	9.8	8.75	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
10	450212	Lê Việt Thu Hà	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.3	8.5			8.75	9.4	8.75	26.9	26.9		Đỗ NV1 - Lần 1
11	450438	Lê Thị Yến Nhi	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.7	9.1			8.5	9.8	8.5	26.8	26.8		Đỗ NV1 - Lần 1
12	450496	Lê Đình Minh Quân	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.8	9.1			8.25	9.2	9.25	26.7	26.7		Đỗ NV1 - Lần 1
13	450144	Phan Tiến Dũng	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	9	9			8	9.4	9.25	26.65	26.65		Đỗ NV1 - Lần 1
14	450208	Lê Khánh Hà	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.6	9.3	9.6			8.5	9.4	8.75	26.65	26.65		Đỗ NV1 - Lần 1
15	450003	Đình Phúc An	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8.5			8.25	9.4	9	26.65	26.65		Đỗ NV1 - Lần 1
16	450535	Nguyễn Nhật Thành	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	9.1			8	9.6	9	26.6	26.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
17	450541	Lê Trần Phương Thảo	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.6	8.9			8.5	9.8	8.25	26.55	26.55		Đỗ NV1 - Lần 1
18	450363	Lê Tuyết Mai	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	9.2	8.9			8.5	9	9	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
19	862312	Mai Nguyệt Ánh	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.7	8.6	9.1			8	9	9.5	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
20	450332	Nguyễn Phương Linh	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	9	9.1			8.75	9	8.75	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
21	450337	Trương Khánh Linh	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8	9.4			9	9.4	8	26.4	26.4		Đỗ NV1 - Lần 1
22	450534	Nguyễn Hữu Thành	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.5	9.5			8	9.6	8.75	26.35	26.35		Đỗ NV1 - Lần 1
23	450651	Trương Hoàng Vy	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	9.4			8.25	9.6	8.5	26.35	26.35		Đỗ NV1 - Lần 1
24	450556	Hà Anh Thư	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.3	8.2			8.5	8.8	9	26.3	26.3		Đỗ NV1 - Lần 1
25	450452	Lại Thụy Nhiên	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.8	9.7			8.25	9.8	8.25	26.3	26.3		Đỗ NV1 - Lần 1
26	450491	Đỗ Việt Quang	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.4	8			8.5	9	8.75	26.25	26.25		Đỗ NV1 - Lần 1
27	450367	Trần Thị Quỳnh Mai	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.4	9.2	9.5			9	9	8.25	26.25	26.25		Đỗ NV1 - Lần 1
28	862160	Lê Hà My	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	9.2	9.1			8.75	9	8.5	26.25	26.25		Đỗ NV1 - Lần 1
29	450378	Mai Tuấn Minh	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.8	8.7	9.8			7.75	9.2	9.25	26.2	26.2		Đỗ NV1 - Lần 1
30	450500	Lê Việt Hoàng Quân	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.2	8.4			8.25	8.4	9.5	26.15	26.15		Đỗ NV1 - Lần 1
31	450650	Thiều Hạ Vy	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.6	8.6			8.5	9.4	8.25	26.15	26.15		Đỗ NV1 - Lần 1
32	450032	Hà Thị Phương Anh	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.9	7.9			8	9.4	8.75	26.15	26.15		Đỗ NV1 - Lần 1
33	861139	Nguyễn Cao Hiền Mai	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	9.2			8	9.4	8.75	26.15	26.15		Đỗ NV1 - Lần 1
34	450096	Nguyễn Thái Bảo	28/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	XS	9	9	9.1			8.5	9.4	8.25	26.15	26.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
35	862262	Lưu Thị Ngọc Trâm	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	9.1	8.7			8.5	8.8	8.75	26.05	26.05		Đỗ NV1 - Lần 1
36	862339	Phạm Nguyễn Thế Dương	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	7.9	8			8.25	8.8	9	26.05	26.05		Đỗ NV1 - Lần 1
37	450539	Lê Thanh Thảo	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.7	7.6			8.5	8.8	8.75	26.05	26.05		Đỗ NV1 - Lần 1
38	450227	Lê Thị Minh Hằng	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	8.3			8.5	9	8.5	26	26		Đỗ NV1 - Lần 1
39	450008	Lê Thủy An	24/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.9	9			8.5	9	8.5	26	26		Đỗ NV1 - Lần 1
40	450480	Vũ Hồng Phúc	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	T	K		8.9	8.8	9.2			8	9	9	26	26		Đỗ NV1 - Lần 1
41	450624	Bùi Thanh Vân	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	8.5	9.2			7.75	9	9.25	26	26		Đỗ NV1 - Lần 1
42	450344	Nguyễn Đình Tuấn Long	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8	8.9			8.5	9.2	8.25	25.95	25.95		Đỗ NV1 - Lần 1
43	861332	Nguyễn Thùy Linh	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.2	8.5			7.75	9.4	8.75	25.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1
44	450654	Nguyễn Hà Như Ý	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.4	7	1		8	8.4	8.5	24.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1
45	862474	Lê Thái Sơn	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.6	8.7	9.2			8.25	8.6	9	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
46	450593	Nguyễn Hữu Trung	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.8	9.3			7.75	9.6	8.5	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
47	450499	Lê Văn Xuân Quân	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.4	9.2			8	9.6	8.25	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
48	450112	Nguyễn Thị Minh Châu	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.5	9.3			7.75	9.6	8.5	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
49	450125	Lê Đăng Mạnh Cường	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.2	7.6			8.5	8.6	8.75	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
50	450268	Lê Sỹ Công Huy	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.7	8.2	7.7			8.25	8.6	9	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
51	450224	Đình Quốc Hào	31/07/2011	Tỉnh Vĩnh Long	T	K		8.5	7.3	8.5			7.5	9	9.25	25.75	25.75		Đỗ NV1 - Lần 1
52	450287	Lê Chân Hưng	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.5	8.5	1		6.75	9.2	8.75	24.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
53	450209	Lê Minh Hà	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.7	8.7			8.25	9.2	8.25	25.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1
54	450430	Lê Hạnh Nguyên	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8	9.1			7.5	9.4	8.75	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
55	450243	Trần Anh Hiếu	08/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.6	7.6			8	8.4	9.25	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
56	450320	Lê Khánh Linh	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.4	8.4			8	9.4	8.25	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
57	450563	Phạm Thị Thủy Tiên	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.3	8.3			8.5	8.4	8.75	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
58	450348	Lê Huy Lộc	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	7.8	7.9			8.25	8.4	9	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
59	450161	Lê Văn Thái Dương	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	8.5			7.25	9.6	8.75	25.6	25.6		Đỗ NV1 - Lần 1
60	450523	Tổng Thanh Sơn	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.7	8.8			8.25	8.8	8.5	25.55	25.55		Đỗ NV1 - Lần 1
61	450612	Lê Đình Tùng	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	8.6			8	8.8	8.75	25.55	25.55		Đỗ NV1 - Lần 1
62	450260	Nguyễn Hùng	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.5	8			8.25	8.8	8.5	25.55	25.55		Đỗ NV1 - Lần 1
63	450511	Nguyễn Vũ Quyên	15/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	7.2			8.5	8	9	25.5	25.5		Đỗ NV1 - Lần 1
64	450150	Nguyễn Đình Duy	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9	7.7	8.3			7.75	9	8.75	25.5	25.5		Đỗ NV1 - Lần 1
65	862644	Phùng Minh Phương	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.7	9.1	9.2			8	9.2	8.25	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
66	450509	Trần Minh Quân	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.5	9.1			7.5	9.2	8.75	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
67	450524	Trần Huy Sơn	18/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	T	G	8.5	8.9	9.5			8.25	9.2	8	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
68	450116	Lê Nguyễn Yến Chi	09/05/2011	Tỉnh Quảng Trị	T	T	G	8.7	9.2	8.8			8	9.2	8.25	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
69	450410	Nguyễn Văn Trần Nghĩa	01/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7	8.4			7.25	9.2	9	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
70	450485	Lê Thị Hà Phương	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.4	8.6			8.25	8.2	9	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
71	450411	Trần Văn Đại Nghĩa	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.8	6.6			8.5	8.4	8.5	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
72	450308	Trần Trung Kiên	06/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8.1			7.75	8.4	9.25	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
73	450391	Lê Thị Huyền My	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	7.9			8.75	8.4	8.25	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
74	450486	Nguyễn Lan Phương	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.4	8.1			8.5	8.4	8.5	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
75	862510	Lê Tường Vy	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.1	7.8			8	8.6	8.75	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
76	450231	Nguyễn Thị Minh Hằng	30/03/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	8.9	8.2	8.3			8	8.6	8.75	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
77	450162	Nguyễn Hoàng Ánh Dương	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.4	7			8.75	7.8	8.75	25.3	25.3		Đỗ NV1 - Lần 1
78	450055	Nguyễn Kim Anh	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	9.2	8.2			8.75	8	8.5	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
79	450023	Doãn Huy Việt Anh	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.7	8.3			7.25	9.2	8.75	25.2	25.2		Đỗ NV1 - Lần 1
80	450351	Trịnh Hữu Lợi	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.2	7.5	1		7.75	8.2	8.25	24.2	25.2		Đỗ NV1 - Lần 1
81	450361	Lê Thị Ngọc Mai	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.1	8.4			8.75	8.4	8	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
82	450531	Nguyễn Đăng Thanh	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.6	8.8			7.5	9.4	8.25	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
83	450298	Trịnh Xuân Khánh	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.5	7.3			7.5	8.4	9.25	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
84	450074	Trần Đức Anh	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	7.4			8.5	8.4	8.25	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
85	450545	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	7.6			8	8.4	8.75	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
86	450614	Tổng Xuân Tùng	04/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.2	6.5			8.25	8.6	8.25	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
87	450115	Lạng Quế Chi	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.7	8	1		7.5	8.6	8	24.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
88	450289	Nguyễn Duy Hưng	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8	8.7			7.5	8.6	9	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
89	450482	Doãn Thị Minh Phương	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.9	8.5			7.75	8.6	8.75	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
90	450343	Khuông Huy Gia Long	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	7.9	7.8			7	8.6	9.5	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
91	450476	Nguyễn Đình Phúc	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.9	8.8			7.5	8.8	8.75	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
92	450202	Hồ Hương Giang	06/03/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	8.4	8.4	8.4			8	8.8	8.25	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
93	450105	Hoàng Quế Châm	08/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.2	8.4			7.75	8.8	8.5	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
94	450492	Mai Huy Quang	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	7.8	9.2			7	9.8	8.25	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
95	450368	Lê Văn Mạnh	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.5	7.6			7.75	9	8.25	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
96	450632	Nguyễn Duy Việt	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	8.2	8.2			7.5	9	8.5	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
97	450572	Hoàng Thuý Trang	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.7	8.5			7.5	9	8.5	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
98	450272	Nguyễn Gia Huy	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	7.7			7.5	9.2	8.25	24.95	24.95		Đỗ NV1 - Lần 1
99	450185	Nguyễn Hải Đăng	06/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8	9.2			7.5	9.2	8.25	24.95	24.95		Đỗ NV1 - Lần 1
100	450128	Lê Ngọc Diệp	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	8.5	7.2			8	8.2	8.75	24.95	24.95		Đỗ NV1 - Lần 1
101	450339	Phạm Thị Kim Loan	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.6	8.1			8.5	8.4	8	24.9	24.9		Đỗ NV1 - Lần 1
102	450091	Dương Đình Gia Bảo	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	6.2	5.5			7.5	9.4	8	24.9	24.9		Đỗ NV1 - Lần 1
103	450068	Nguyễn Thị Trâm Anh	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.9	8.5			8	8.6	8.25	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1
104	450056	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	7.7	8.1			8.25	8.6	8	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1
105	450132	Lê Mai Dung	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.3	7.8			8.5	7.6	8.75	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1
106	450553	Nguyễn Phương Thùy	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	8.1			8.5	7.6	8.75	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
107	450506	Nguyễn Trung Quân	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.7	9.1			7.5	8.6	8.75	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1
108	450349	Lê Trịnh Tấn Lộc	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	8.5			8.25	7.8	8.75	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
109	450330	Nguyễn Hoàng Linh	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.7	8.7			7.75	8.8	8.25	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
110	450613	Lê Thiều Tùng	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	7.7	7.9			7.75	8	9	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
111	862209	Phùng Thị Mai Phương	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.7	8.9			9	7	8.75	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
112	450366	Nguyễn Thị Mai	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	9.1	8.1			9	7	8.75	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
113	450352	Nguyễn Văn Luật	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.3	7.7			8	8	8.75	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
114	450281	Lê Thị Thanh Huyền	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.3	8.2			7.25	9	8.5	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
115	450257	Trịnh Thu Huệ	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.9	8.6			8	9	7.75	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
116	450608	Thiều Quang Anh Tuấn	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8	8.7			7.08	8.4	9.25	24.73	24.73		Đỗ NV1 - Lần 1
117	450235	Trần Lê Bảo Hân	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.2	9.5			7.25	9.2	8.25	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
118	450027	Đàm Văn Anh	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.9	9.4			8	8.2	8.5	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
119	450160	Lê Văn Dương	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.3	8.3			8	8.2	8.5	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
120	450402	Nguyễn Duy Nam	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.2	7.2			7.75	8.2	8.75	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
121	450131	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	8.7			8.25	8.2	8.25	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
122	450279	Trịnh Gia Huy	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.9	7.8			6.25	9.4	9	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
123	450415	Lê Khánh Ngọc	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.5	5.3			8.75	7.4	8.5	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
124	450124	Lê Bá Hoàng Chung	25/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	8.1	9.3			8	9.4	7.25	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
125	450423	Nguyễn Thị Như Ngọc	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8	7.1			8.5	8.4	7.75	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
126	450459	Nguyễn Thị Quỳnh Như	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.4	8.5			8	8.4	8.25	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
127	450322	Lê Phương Linh	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	7.6			8.75	7.4	8.5	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
128	450528	Nguyễn Đức Thái	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.9	8.3	1		6.75	8.6	8.25	23.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
129	450318	Đỗ Thị Phương Linh	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.8	8.5			7.75	7.6	9.25	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
130	450648	Nguyễn Phương Vy	27/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.2	8.6			8	8.6	8	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
131	450021	Bùi Lê Hà Anh	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.7	8			8.5	8.6	7.5	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
132	450061	Nguyễn Quỳnh Anh	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.4	8.4			8.5	7.6	8.5	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
133	450474	Hà Trọng Phúc	25/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.8	8.3			7.75	8.6	8.25	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
134	450054	Nguyễn Hữu Duy Anh	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.3	8			8	8.6	8	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
135	450471	Nguyễn Văn Thanh Phong	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.3	6.6			8	8.6	8	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
136	450136	Lê Đình Dũng	31/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.1	8.3			7.5	8.6	8.5	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
137	450193	Lê Minh Đức	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	8.5			7.25	8.6	8.75	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
138	450168	Trịnh Hồng Ánh Dương	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	6.5	8.4			7.5	8.8	8.25	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
139	450049	Lê Văn Đức Anh	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	8.2	7.3			8.5	6.8	9.25	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
140	680150	Lê Minh Hiếu	20/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	T	G	8.5	8.3	8.1			7.75	8.8	9	25.55	24.55		Đỗ NV2
141	450241	Nguyễn Đăng Hiếu	11/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.8	7.3			7	9	8.5	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
142	450183	Trịnh Quang Đạt	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.3	8.2			7.75	8	8.75	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
143	450031	Hàn Tuấn Anh	14/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8	7.7	7.9			7.75	8	8.75	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
144	450254	Nguyễn Văn Minh Hoàng	26/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	9.1	9.4			7.5	9	8	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
145	450360	Lê Ngọc Mai	17/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	6.8	7.5			8	8	8.5	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
146	450618	Phạm Thị Ánh Tuyết	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.5	7.3			8.5	8	8	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
147	450513	Nguyễn Văn Đức Quyền	01/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.6	7.5			7.75	8.2	8.5	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
148	450110	Nguyễn Minh Châu	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.2	8.7			8	9.2	7.25	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
149	450229	Lê Thị Thanh Hằng	20/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	9.3	9			8.75	7.4	8.25	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
150	450622	Trịnh Thu Uyên	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.8	8.4			8.75	8.4	7.25	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
151	450156	Lê Cao Hà Dương	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.1	9	8.6			8	8.4	8	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
152	450557	Hà Anh Thư	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.2	7.3			8	8.4	8	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
153	450355	Lê Thị Khánh Ly	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	6.4			8	7.6	8.75	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
154	450447	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	06/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.3	8.5	7.7			8.5	7.6	8.25	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
155	450372	Lê Quang Minh	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8	7.3			8.25	7.6	8.5	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
156	450167	Trần Nhật Dương	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	8.2			7.25	8.6	8.5	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
157	450069	Nguyễn Thị Vân Anh	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	9			8.25	7.6	8.5	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
158	450478	Nguyễn Minh Phúc	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	8	8			7	8.6	8.75	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
159	450177	Nguyễn Đình Phước Đạt	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7	7.2			7.75	8.6	8	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
160	450596	Lê Bá Long Trường	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.5	8.2			7.75	7.6	9	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
161	450228	Lê Thị Minh Hằng	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.4	7.2			8.25	7.6	8.5	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
162	450178	Nguyễn Quang Đạt	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.2	8.1			8.25	7.6	8.5	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
163	450321	Lê Nhật Linh	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.6	8.3			7.5	8.6	8.25	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
164	862087	Trịnh Thanh Giang	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	8.8	9.3			8	8.6	8.75	25.35	24.35		Đỗ NV2
165	450135	Lê Trịnh Mai Dung	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.9	8.3			7.75	8.8	7.75	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
166	450562	Thiều Thị Hoài Thương	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	7.6			8.75	6.8	8.75	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
167	450431	Lê Lệnh Khôi Nguyên	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.5	7.6			7.25	8.8	8.25	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
168	861274	Nguyễn Trọng Anh	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	7.9	9.1			7	9.8	8.5	25.3	24.3		Đỗ NV2
169	450016	Trần Nguyễn Phúc An	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.2	9.3			8.25	9	7	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
170	450152	Nguyễn Mạnh Duy	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.3	7.4			7.5	8	8.75	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
171	450488	Nguyễn Thị Phương	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.4	8.8			8	8	8.25	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
172	450512	Trịnh Hoàng Bảo Quyên	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.3	9.5			7.25	9	8	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
173	450636	Nguyễn Thế Vinh	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.7	7.4			8.5	7	8.75	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
174	450063	Nguyễn Thị Mai Anh	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.3	8.6			8	8	8.25	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
175	450109	Nguyễn Mạnh Bảo Châu	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.2	7.9			7.75	8	8.5	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
176	450397	Hoàng Đình Nam	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.8	9			7	9	8.25	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
177	680190	Nguyễn Huy Khánh	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	8.8	9.5			7.75	9	8.5	25.25	24.25		Đỗ NV2
178	450356	Lê Trúc Ly	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	8.6	9.8			8	9.2	7	24.2	24.2		Đỗ NV1 - Lần 1
179	450052	Nguyễn Đức Anh	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.6	7.5			7.75	8.2	8.25	24.2	24.2		Đỗ NV1 -

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
																			Lần 1
180	450058	Nguyễn Ngọc Anh	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	9.1	8.1			8.5	7.4	8.25	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
181	450121	Thiều Hà Chi	30/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	8	8.5			8.5	8.4	7.25	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
182	450041	Lê Thế Anh	06/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.1	7.9			7.75	8.4	8	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
183	680262	Nguyễn Tiến Minh	28/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	T	G	9	8.4	9.3			7.5	9.4	8.25	25.15	24.15		Đỗ NV2
184	450454	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.4	7.7			7.5	8.6	8	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
185	450548	Lê Văn Thắng	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	8			7.75	7.6	8.75	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
186	450307	Nguyễn Trung Kiên	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	9			7.5	7.8	8.75	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
187	861579	Nguyễn Thị Minh Châu	09/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8	8.4			7.25	8.8	8	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
188	450350	Nguyễn Tài Lộc	03/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.5	7.8			7.75	7.8	8.5	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
189	450043	Lê Thị Minh Anh	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.7	8			8.5	7.8	7.75	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
190	450327	Lê Văn Linh	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.5	8.9			7.25	8.8	8	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
191	680374	Trần Gia Thiện	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	7.9	8.8			7	8.8	9.25	25.05	24.05		Đỗ NV2
192	450481	Bùi Lê Huyền Phương	28/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.7	7.1	1		8.5	7	7.5	23	24		Đỗ NV1 - Lần 1
193	450270	Lê Văn Quang Huy	29/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.4	6.5			7.25	9	7.75	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
194	450292	Lê Thị Mai Hương	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.9	7.4			8.25	8	7.75	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
195	450146	Trần Văn Dũng	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.4	8			7.5	8	8.5	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
196	450434	Dương Thị Yến Nhi	27/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.7	6.8			8	8	8	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
197	450589	Nguyễn Minh Trí	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	8.2			6.75	9.2	8	23.95	23.95		Đỗ NV1 -

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
																			Lần 1
198	450207	Đỗ Bùi Ngọc Hà	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.4	6.8			8	7.2	8.75	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
199	450220	Nguyễn Đình Phong Hải	11/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8	7.7			8.25	7.2	8.5	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
200	450359	Doãn Ngọc Mai	28/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.6	8			7.75	8.2	8	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
201	450098	Thiều Gia Bảo	11/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.3	7.2		0.5	7.75	7.2	8.5	23.45	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
202	680061	Đình Lê Ái Bình	01/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	9.6			7.75	9.2	8	24.95	23.95		Đỗ NV2
203	450362	Lê Thị Trúc Mai	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.6	8.1			8.25	7.4	8.25	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
204	450164	Nguyễn Tùng Dương	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.1	8.9			7.25	8.4	8.25	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
205	450449	Nguyễn Thị Linh Nhi	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.1	8.9			7.75	8.4	7.75	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
206	450530	Nguyễn Duy Thanh	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.2	7.3			7	8.4	8.5	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
207	450273	Nguyễn Gia Huy	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	6.9	6.6			7.5	7.4	9	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
208	450180	Phạm Trần Quốc Đạt	19/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.9	8.1			7.25	8.4	8.25	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
209	450628	Thiều Khánh Vân	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	9	7.7			8.25	7.4	8.25	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
210	450429	Doãn Hữu Khối Nguyên	22/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	7.9	8.7			7.25	8.4	8.25	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
211	450564	Nguyễn Anh Tiến	04/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.1	8.2	7			7.5	8.4	8	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
212	450057	Nguyễn Lê Trâm Anh	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.5	6.9			8	7.6	8.25	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
213	450473	Ngô Minh Phú	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	7.6	7.9			7.5	7.6	8.75	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
214	450639	Lê Văn Vũ	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.3	6.1			7.75	7.6	8.5	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
215	450326	Lê Thị Trúc Linh	20/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.8	7.1			8.5	7.6	7.75	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
216	450218	Bùi Khắc Trung Hải	17/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.3	7.4			7.5	7.6	8.75	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
217	450075	Trần Quỳnh Anh	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	8.1	7.7	1		7	7.6	8.25	22.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
218	450113	Nguyễn Thị Minh Châu	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.4	7.9			7.5	8.6	7.75	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
219	450256	Lê Thị Huệ	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	8.4	7.8			7.5	8.6	7.75	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
220	450004	Hà Thái An	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.2	6.6	1		8	6.6	8.25	22.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
221	450515	Đàm Thị Như Quỳnh	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.1	8.3	8.3			7.75	8.6	7.5	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
222	450370	Lê Nam Minh	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.3	6.6			8.25	7.6	8	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
223	680240	Cao Dương Tuyết Mai	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.8	9			8.25	9.6	7	24.85	23.85		Đỗ NV2
224	450520	Nguyễn Đình Sang	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.9	6.7			7.75	7.8	8.25	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
225	450387	Phạm Đức Minh	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.2	7.9			7.25	7.8	8.75	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
226	450188	Lê Ngọc Minh Đoàn	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.8	8.3			7.75	7.8	8.25	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
227	450148	Lê Lệnh Khang Duy	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.3	8			7.75	7.8	8.25	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
228	450040	Lê Thế Anh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.4	8.9			7.5	7.8	8.5	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
229	450290	Nguyễn Đăng Gia Hưng	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.1	7.8			6.5	8.8	8.5	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
230	450389	Trịnh Bình Minh	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7.5	7.1			7.25	7.8	8.75	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
231	862243	Nguyễn Thị Thủy Tiên	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	9.1	9			8.75	7.8	8.25	24.8	23.8		Đỗ NV2
232	450143	Phạm Tiến Dũng	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.3	7.9			8.25	7	8.5	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
233	450071	Nguyễn Vũ Tiến Anh	18/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.9	8.3			7.75	8	8	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
234	450134	Lê Thị Thùy Dung	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	8			7.25	8	8.5	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
235	450543	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.7	6.7			8.25	8	7.5	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
236	450357	Vũ Khánh Ly	27/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	8.1	7.2			8	7	8.75	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
237	450490	Vũ Thị Mai Phương	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.9	8.2			6.75	9	8	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
238	450427	Tạ Bích Ngọc	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.3	8			8.25	7.2	8.25	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
239	450376	Lê Việt Quốc Minh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.2	6.6			8	7.2	8.5	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
240	450585	Lại Thị Ngọc Trâm	08/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.8	7.6			8	8.2	7.5	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
241	450070	Nguyễn Trung Anh	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.3	7.1			7.25	8.2	8.25	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
242	450118	Lê Thị Kim Chi	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.3	7.1			8.75	7.2	7.75	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
243	450609	Dương Anh Tùng	22/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.4	7.2	6.5			7.5	8.2	8	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
244	450567	Lê Bá Toàn	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.5	8			7.75	7.4	8.5	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
245	450426	Phan Ánh Ngọc	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.1	8.5			7.75	8.4	7.5	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
246	450611	Lê Duy Tùng	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.6	7.6			8	8.4	7.25	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
247	450424	Phạm Lê Bảo Ngọc	31/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.9	8.1			8.25	7.4	8	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
248	450594	Phạm Văn Thành Trung	06/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	8.1	8.2			8	7.4	8.25	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
249	450157	Lê Thị Ánh Dương	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.1	7.5			8	7.6	8	23.6	23.6		Đỗ NV1 - Lần 1
250	450464	Lê Phong	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.8	8.2		0.5	6.75	7.6	8.75	23.1	23.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
251	450165	Phạm Tá Hải Dương	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.2	8			7	7.6	9	23.6	23.6		Đỗ NV1 - Lần 1
252	450108	Nguyễn Bảo Châu	26/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.4	8.6			7.75	7.8	8	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
253	450641	Dương Thị Hà Vy	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.3	7.1			8	7.8	7.75	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
254	450442	Lê Tuyết Nhi	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.5	7.3			8	7	8.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
255	450182	Trần Tiến Đạt	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.4	6.8			7.5	8	8	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
256	450475	Lương Văn Phúc	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.3	7.7			6.75	8	8.75	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
257	450001	Dương Mai An	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.6	7.2			8.5	7.2	7.75	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
258	450300	Nguyễn Trọng Khoa	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	6.9	8			8	7.2	8.25	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
259	450602	Nguyễn Tài Tú	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	7.8	8.8			8	7.2	8.25	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
260	450138	Lê Khắc Dũng	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.4	7.3			7.5	8.2	7.75	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
261	450477	Nguyễn Mậu Duy Phúc	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.7	8.3			7	8.2	8.25	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
262	450394	Phùng Thị Huyền My	22/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.5	9.2			6.5	9.2	7.75	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
263	670181	Lê Đình Đức	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.7	7.6			8	8.2	8.25	24.45	23.45		Đỗ NV2
264	670243	Lê Thanh Hùng	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.4	8.4			7.75	8.2	8.5	24.45	23.45		Đỗ NV2
265	450479	Nguyễn Xuân Phúc	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.4	8.3			7	8.4	8	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
266	450341	Trần Bảo Loan	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.1	8.4			8.25	7.4	7.75	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
267	450309	Mai Tuấn Kiệt	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	7.9	8			6.75	8.4	8.25	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
268	450629	Lê Thị Khánh Vi	09/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.6	8.3			7.75	7.4	8.25	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
269	450214	Nguyễn Ngọc Hà	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.1	8			8	7.4	8	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
270	450095	Lê Văn Gia Bảo	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.3	5.4			7	8.4	8	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
271	450047	Lê Trịnh Việt Anh	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.4	7.3			7.5	8.4	7.5	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
272	861240	Đào Mạnh Tùng	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	8.2	9.7			7.5	9.4	7.5	24.4	23.4		Đỗ NV2
273	670336	Hoàng Thị Phương Linh	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.3	7.7			7.25	8.4	8.75	24.4	23.4		Đỗ NV2
274	450621	Nguyễn Trúc Uyên	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8	7.4			7.25	7.6	8.5	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
275	450127	Bùi Thị Ngọc Diệp	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.5	8.2			8	7.6	7.75	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
276	450437	Lê Thị Dung Nhi	30/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.1	7.7			7.75	7.6	8	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
277	450597	Lê Đình Minh Trường	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	T	K		7.5	6.7	6.6			7	7.6	8.75	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
278	450153	Trần Khánh Duyên	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	7.6	8			7.5	7.6	8.25	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
279	450155	Lê Bá Dương	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.1	7.7			7.75	7.6	8	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
280	450259	Dương Công Bảo Hùng	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.4	7.6			7.75	7.6	8	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
281	450294	Lê Thị Ngọc Khánh	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.8	9			8.25	7.6	7.5	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
282	450483	Dương Thị Mai Phương	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.6	8.1			7.25	7.6	8.5	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
283	450419	Lê Thị Tuyết Ngọc	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.5	8.3			8	7.6	7.75	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
284	862654	Nguyễn Cao Vinh	22/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.8	7.6			7.5	7.8	8	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
285	450269	Lê Sỹ Huy	13/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	7.9	8.2			7	7.8	8.5	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
286	450336	Trần Thị Phương Linh	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.3	7.2			7.25	6.8	9.25	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
287	450277	Thiều Quang Huy	08/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.1	8			7.5	7.8	8	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
288	450591	Lê Thị Thanh Trúc	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8	6.8			8.25	7.8	7.25	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
289	450062	Nguyễn Thị Lan Anh	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8	6.8			8	6.8	8.5	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
290	450087	Nguyễn Hồng Ánh	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.9	7.7			8.25	6.8	8.25	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
291	670255	Nguyễn Trường Huy	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.9	8.9			7	8.8	8.5	24.3	23.3		Đỗ NV2
292	450455	Nguyễn Trang Nhung	02/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	K		7.5	7.5	6.5			8	7	8.25	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
293	450261	Vũ Đình Hùng	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.7	7.1			6.5	8	8.75	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
294	450371	Lê Nguyễn Tuệ Minh	17/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.4	7.4			8.5	7	7.75	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
295	450145	Trần Quang Dũng	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.2	6.2			7	7	9.25	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
296	450468	Nguyễn Anh Phong	15/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	7.4	8.1			6	9	8.25	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
297	450571	Thiều Văn Trà	04/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	8.7			7.25	8	8	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
298	450158	Lê Thị Thùy Dương	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	8	5.7			8.25	7	8	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
299	450120	Nguyễn Vũ Quỳnh Chi	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.5	7.3			8.5	7	7.75	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
300	450007	Lê Phước An	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.4	6.5			7.75	7	8.5	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
301	670187	Phạm Trung Đức	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.3	8.5			7.75	8	8.5	24.25	23.25		Đỗ NV2
302	450365	Nguyễn Phương Mai	19/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.3	7.5			8	7.2	8	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
303	450012	Nguyễn Thị Khánh An	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	8	6.9			8.25	7.2	7.75	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
304	450130	Nguyễn Ngọc Diệp	16/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7	8.1	8.6			8	7.2	8	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
305	861057	Nguyễn Lê Quỳnh Diệp	18/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	T	G	7.6	8.1	9.6			8.25	9.2	5.75	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
306	450345	Nguyễn Đức Long	02/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8.2	6.8	6.8			7.75	7.2	8.25	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
307	680411	Trương Thanh Tùng	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	6.9	6.4			8	7.2	9	24.2	23.2		Đỗ NV2
308	450587	Nguyễn Thùy Trâm	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.4	6			7.25	7.4	8.5	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
309	450089	Nguyễn Ngọc Ánh	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	8.5			7.25	7.4	8.5	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
310	450123	Phạm Văn Chiến	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.4	8.5			7	7.4	8.75	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
311	670188	Quế Minh Đức	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.1	7.6			8	7.4	8.75	24.15	23.15		Đỗ NV2
312	680201	Lê Trung Kiên	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8	6.7			8	7.4	8.75	24.15	23.15		Đỗ NV2
313	450319	Lê Bảo Linh	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.1	6.4			7.5	7.6	8	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
314	670461	Nguyễn Bảo Ngọc	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.9	8.5			7	8.6	8.5	24.1	23.1		Đỗ NV2
315	670502	Nguyễn Quỳnh Như	20/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	9.2	7.7			8	7.6	8.5	24.1	23.1		Đỗ NV2
316	670311	Nguyễn Tiến Kiên	08/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.4	8.5			7.25	8.6	8.25	24.1	23.1		Đỗ NV2
317	670481	Hoàng Thị Nhi	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	9.3	8.1			8.25	7.6	8.25	24.1	23.1		Đỗ NV2
318	450252	Lê Việt Hoàng	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.8	8			7.25	7.8	8	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
319	450204	Nguyễn Thị Hương Giang	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.4	6.9			6.75	7.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
320	450576	Lê Thị Thu Trang	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.9	6.1			7.75	7.8	7.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
321	450453	Doãn Thị Hồng Nhung	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.7	7.5			7.75	6.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
322	450024	Dương Công Tuấn Anh	27/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	6.8	6.6			8	6.8	8.25	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
323	670513	Nguyễn Hải Phong	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	8.6	8.7			7	8.8	8.25	24.05	23.05		Đỗ NV2
324	450037	Lê Đình Anh	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	6.8			7.25	7	8.75	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
325	450029	Đỗ Đức Anh	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.4	7.3			7.5	7	8.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
326	450566	Thiều Quang Tiến	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.6	6.8			7.5	7	8.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
327	450215	Nguyễn Việt Hà	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8	8			7.75	7	8.25	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
328	450334	Nguyễn Thị Phương Linh	31/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8	8.2			7.5	7	8.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
329	450526	Nguyễn Đức Tài	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	8.6			6.5	8.2	8.25	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
330	450445	Mai Hà Lâm Nhi	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8	7.7			8	7.2	7.75	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
331	450338	Lê Thị Khánh Loan	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.8	7.2			8	7.2	7.75	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
332	450230	Lê Thu Hằng	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.9	8.1			7.25	7.2	8.5	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
333	450080	Dương Ngọc Ánh	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.2	8.1			8.25	7.2	7.5	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
334	450249	Nguyễn Ngọc Hoàn	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	8.1			7.25	7.2	8.5	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
335	450192	Lê Bá Đức	13/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.4	8			7.5	7.2	8.25	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
336	670499	Nguyễn Trang Nhung	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.6	7.8			7.75	8.2	8	23.95	22.95		Đỗ NV2
337	450005	Lê Đình An	26/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.6	7			7	7.4	8.5	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
338	450009	Mai Khánh An	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	8.7	7.7			8.75	6.4	7.75	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
339	450078	Trương Hải Anh	26/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.6	7.8			8.5	7.4	7	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
340	450275	Nguyễn Tài Huy	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.6	7.6			7.75	7.4	7.75	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
341	670486	Lương Ngọc Nhi	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.9	7.9			6.5	8.4	9	23.9	22.9		Đỗ NV2
342	450201	Hà Minh Giang	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.4	7			7.75	7.6	7.5	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
343	450532	Nguyễn Đức Thanh	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8	8.7			6.75	8.6	7.5	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
344	450595	Trần Văn Trung	08/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	6.9	6.2			8	6.6	8.25	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
345	862545	Vũ Gia Linh	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.4	7.3			7.75	6.6	8.5	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
346	450638	Phạm Đăng Vinh	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	8.3	8.2			6.5	8.6	7.75	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
347	450420	Nguyễn Ánh Ngọc	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.4	7.7			7.75	7.6	7.5	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
348	450446	Nguyễn Đỗ Đông Nhi	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	8			8	7.6	7.25	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
349	670409	Nguyễn Đức Minh	13/12/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	7.6	8.2	9			8	8.6	7.25	23.85	22.85		Đỗ NV2
350	450605	Lê Anh Tuấn	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	8.1	5.9			7.75	6.8	8.25	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
351	450258	Vũ Khánh Huệ	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.7	8.1			8	7.8	7	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
352	450631	Lê Đăng Quốc Việt	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.5	6.7			7.5	6.8	8.5	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
353	450472	Thị Văn Phong	31/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	7.9			7.5	6.8	8.5	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
354	450051	Ngô Phương Anh	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.9	6.7			8.5	6.8	7.5	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
355	450392	Nguyễn Thị Trà My	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.6	6.8			8.25	6.8	7.75	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
356	670432	Đỗ Thành Nam	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.5	7.5			7.75	7.8	8.25	23.8	22.8		Đỗ NV2
357	862591	Dương Diệp Anh	20/01/2012	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.7	8.4			6.5	8.8	8.5	23.8	22.8		Đỗ NV2
358	450255	Tổng Vũ Hoàng	10/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.1	7.5	7.5			6.5	8	8.25	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
359	450584	Hồ Thị Ngọc Trâm	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.1	8.2			7.75	7	8	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
360	450656	Nguyễn Hải Yến	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	6.6			7.5	7	8.25	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
361	670151	Hoàng Thái Dương	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	7.7	7			7.25	8	8.5	23.75	22.75		Đỗ NV2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
362	450537	Lê Phương Thảo	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8	8.4			7.75	7.2	7.75	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
363	450133	Lê Phương Dung	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	8.3	7.7			6.75	8.2	7.75	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
364	450560	Lê Thị Thương	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.4	7.6			7.5	7.2	8	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
365	450053	Nguyễn Đức Anh	27/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.5	6.9			7	7.2	8.5	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
366	450314	Lê Tuệ Lâm	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.7	6.9			8.25	7.2	7.25	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
367	450607	Lê Việt Anh Tuấn	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.2	5.8			7.25	7.2	8.25	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
368	670121	Hoàng Đạt Cường	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.6	8.4			7.5	8.2	8	23.7	22.7		Đỗ NV2
369	450324	Lê Thị Khánh Linh	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	8.1			8.25	6.4	8	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
370	450381	Nguyễn Bình Minh	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.1	7.4			6.5	8.4	7.75	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
371	450487	Nguyễn Thị Mai Phương	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.6	7.1			8.25	7.4	7	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
372	690203	Phí Văn Phú Đức	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.8	7.6			8.25	7.4	8	23.65	22.65		Đỗ NV2
373	690683	Nguyễn Trọng Nhật Tùng	06/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.7	7.6			6.75	8.4	8.5	23.65	22.65		Đỗ NV2
374	450195	Nguyễn Minh Đức	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	6.6	8			6.5	8.6	7.5	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
375	450025	Dương Thị Lan Anh	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.3	6.7			7.75	7.6	7.25	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
376	450652	Trương Tường Vy	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.9	7			8	6.6	8	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
377	690473	Nguyễn Đình Nguyên	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.3	7.7			7.75	7.6	8.25	23.6	22.6		Đỗ NV2
378	670380	Lê Trần Lương	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8	7.6			7	7.6	9	23.6	22.6		Đỗ NV2
379	690568	Lê Nguyễn Kiến Quốc	14/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.2	8.1	8.4			7.5	8.6	7.5	23.6	22.6		Đỗ NV2
380	450404	Nguyễn Quỳnh Nga	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.9	7			7.75	6.8	8	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
381	450331	Nguyễn Như Bảo Linh	11/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.6	7.5	7.4			6.5	7.8	8.25	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
382	450538	Lê Phương Thảo	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	8			7.5	6.8	8.25	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
383	450634	Lê Bá Vinh	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.8	8.5			8	6.8	7.75	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
384	450166	Phạm Thị Thùy Dương	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	8.5	6.9			8.25	5.8	8.5	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
385	450291	Lê Thị Lan Hương	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.2	6.6	1		7.75	5.8	8	21.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
386	670114	Lê Trần Khánh Chi	31/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8	7.2			7.5	7.8	8.25	23.55	22.55		Đỗ NV2
387	450099	Trịnh Gia Bảo	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.3	6.7			7.5	7	8	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
388	450353	Phạm Đình Luyện	08/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.2	6.2			7	7	8.5	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
389	450280	Lê Thị Huyền	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	8.2	7.4			7.75	7	7.75	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
390	450137	Lê Đình Việt Dũng	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	7.9	7.3			7.25	7	8.25	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
391	450248	Lê Quang Duy Hoàn	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7	8.4			7.25	8	7.25	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
392	670067	Trần Doãn Châu Anh	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	7.5	8.6			7.5	8	8	23.5	22.5		Đỗ NV2
393	670546	Phan Lê Quý	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.8	8			7.5	8	8	23.5	22.5		Đỗ NV2
394	690069	Phạm Trần Quỳnh Anh	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.8	7.4			8	7	8.5	23.5	22.5		Đỗ NV2
395	690283	Nguyễn Duy Đức Hưng	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7.7	7.8			7.25	8	8.25	23.5	22.5		Đỗ NV2
396	450642	Đỗ Khánh Vy	30/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.6	8	8			7.75	7.2	7.5	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
397	450633	Dương Khắc Vinh	02/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.6	6.5			7	7.2	8.25	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
398	450414	Doãn Lê Bảo Ngọc	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.4	7.1			8.75	5.2	8.5	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
399	450578	Nguyễn Thị Mai Trang	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.9	6.5			8	7.2	7.25	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
400	450342	Dương Ngọc Long	22/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.8	6.8			8.5	6.2	7.75	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
401	670401	Lê Văn Bình Minh	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	7.5			7	8.2	8.25	23.45	22.45		Đỗ NV2
402	862551	Lê Khánh Trà My	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.5	8.7			7.25	8.2	8	23.45	22.45		Đỗ NV2
403	690094	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.3	8			8	8.2	7.25	23.45	22.45		Đỗ NV2
404	670176	Lê Văn Đoàn	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	8.1			7.75	7.2	8.5	23.45	22.45		Đỗ NV2
405	450432	Nguyễn Khánh Nguyên	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.9	8.5	8.2			7.75	7.4	7.25	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
406	450395	Nguyễn Lê Na	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.3	8.1			7.5	6.4	8.5	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
407	450002	Dương Văn Bảo An	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.7	5.9	5.4			8	6.4	8	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
408	690310	Phạm Trần Gia Khánh	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.1	8.5			7	8.4	8	23.4	22.4		Đỗ NV2
409	690165	Đình Tùng Dương	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.3	8.4			6.5	8.4	8.5	23.4	22.4		Đỗ NV2
410	450033	Hà Tuấn Anh	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.2	7.1			8.25	6.6	7.5	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
411	450328	Lục Ngọc Khánh Linh	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	8.4	6.1			7.5	7.6	7.25	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
412	450205	Tổng Minh Giang	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.1	7.9			6.5	8.6	7.25	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
413	450460	Phạm Quỳnh Như	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.9	7.1			8	5.8	8.5	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
414	450540	Lê Thị Diệu Thảo	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.2	7.4			8.5	5.8	8	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
415	450369	Đào Đức Minh	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.9	6.8			8.75	5.8	7.75	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
416	450179	Nguyễn Tiến Thành Đạt	17/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.5	8	7.9			7.25	6.8	8.25	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
417	450042	Lê Thị Huyền Anh	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.7	8.1	7			8.75	6.8	6.75	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
418	670450	Nguyễn Thiện Ngân	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.8	7.9			7.5	7.8	8	23.3	22.3		Đỗ NV2
419	670287	Lê Nam Khánh	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.4	8.4			7.5	7.8	8	23.3	22.3		Đỗ NV2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
420	670032	Lê Thị Lan Anh	12/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	8.7			7	8.8	7.5	23.3	22.3		Đỗ NV2
421	450335	Trần Diệu Linh	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.9	8.2			8	6	8.25	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
422	450176	Lương Thành Đạt	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	7.9	8.1			7.75	6	8.5	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
423	450296	Nguyễn Đình Khánh	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.6	8.3			6.25	7	9	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
424	450599	Trần Tiến Trường	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.1	8.3			7.25	7	8	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
425	450244	Trần Anh Hiếu	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.1	7.5			7.25	7	8	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
426	450081	Dương Thị Minh Ánh	13/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	8.2	6.7			8.25	6	8	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
427	450086	Lê Thị Ngọc Ánh	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.1	7.7			8.5	6	7.75	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
428	450018	Nguyễn Đào Ana	25/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.8	7.6	8.1			8	7	7.25	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
429	690551	Vũ Minh Phương	12/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	K		8.1	7.6	7.1			7	8	8.25	23.25	22.25		Đỗ NV2
430	450213	Ngô Ngân Hà	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.9	7.7			7.5	7.2	7.5	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
431	450377	Lê Xuân Minh	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.2	6.3			8	6.2	8	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
432	450288	Nguyễn Chí Hưng	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.6	6.6			7	6.2	9	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
433	450425	Phạm Tuấn Ngọc	08/01/2011	Tỉnh Đắk Lắk	T	K		7.1	7.5	7.3	1		7.5	5.2	8.5	21.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
434	450443	Lê Yến Nhi	11/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	8.1	7			8	6.2	8	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
435	450199	Cao Thị Lam Giang	17/01/2011	Thành phố Hải Phòng	T	T	G	8.6	8.7	8.2			8.75	5.2	8.25	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
436	450433	Thiều Quang Nguyên	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.4	7.8			7.5	6.4	8.25	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
437	450551	Lê Văn Thông	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.2	6.5			6.75	7.4	8	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
438	450569	Doãn Khánh Trà	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8			7	6.4	8.75	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
439	450263	Hồ Đức Huy	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	6.6	8.4			5.75	8.4	8	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
440	670073	Trịnh Tuấn Anh	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	8.1			7.25	7.4	8.5	23.15	22.15		Đỗ NV2
441	670288	Lê Ngọc An Khánh	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	8.1			7.75	7.4	8	23.15	22.15		Đỗ NV2
442	670402	Lôi Xuân Minh	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.5	8.7			6	9.4	7.75	23.15	22.15		Đỗ NV2
443	450586	Nguyễn Quỳnh Trâm	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8	6.7			7	7.6	7.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
444	450516	Lê Thị Như Quỳnh	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.1	7.2			7.75	6.6	7.75	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
445	450282	Nguyễn Thanh Huyền	18/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.5	7.5			8	6.6	7.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
446	450117	Lê Thảo Chi	10/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.4	7.7			7.25	7.6	7.25	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
447	450035	Kim Thị Phương Anh	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	8	6.9			8.75	6.6	6.75	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
448	450142	Nguyễn Lê Quang Dũng	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.6	7.5			7.25	8.6	6.25	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
449	450151	Nguyễn Hữu Mạnh Duy	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.2	7.4			7	7.6	7.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
450	450379	Nguyễn Bình Minh	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.5	7.2			7.25	6.8	8	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
451	450463	Lê Huy Phong	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.9	8.2			8	5.8	8.25	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
452	450373	Lê Trường Minh	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.6	7.7			7.25	6.8	8	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
453	450119	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.7	7			8	5.8	8.25	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
454	690673	Lê Đức Tuấn	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.4	7.6			7.5	6.8	8.75	23.05	22.05		Đỗ NV2
455	450494	Hà Văn Quân	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.6	7.3			6.5	8	7.5	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
456	450262	Dương Gia Huy	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.6	6.1			8	6	8	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
457	450561	Lê Thị Thương	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.1	6.8			7.75	6	8.25	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
458	450435	Đỗ Thị Phương Nhi	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.1	7.1			7.75	7	7.25	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
459	450226	Đồng Thu Hằng	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.7	6.4			8.25	6	7.75	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
460	450358	Bùi Thị Minh Mai	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	7.7	8.5			7.5	7.2	7.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
461	450469	Nguyễn Thanh Phong	27/06/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	7.8	8.3	7.9			7.5	6.2	8.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
462	450536	Dương Thị Phương Thảo	03/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.9	5.6			7.75	6.2	8	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
463	450225	Đỗ Minh Hằng	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.4	6.8			7.25	7.2	7.5	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
464	450174	Lê Văn Đạt	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.1	7.1			8	7.2	6.75	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
465	450505	Nguyễn Minh Quân	22/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	8.5			6.5	8.2	7.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
466	450237	Trần Thị Hải Hậu	26/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.5	6.1			7.75	6.2	8	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
467	450090	Nguyễn Hoàng Bách	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.5	8.2			7.5	6.4	8	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
468	450065	Nguyễn Thị Phương Anh	15/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.6	7.1			7.5	7.4	7	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
469	450467	Lê Văn Vũ Phong	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.6	6.9			7.5	6.4	8	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
470	450104	Lê Vũ Bình	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.1	7.1	7.4			6.25	8.4	7.25	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
471	450233	Đoàn Gia Hân	08/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.9	6	1		7.25	5.4	8.25	20.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
472	450390	Trịnh Quang Minh	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.1	6.5			7.5	5.6	8.75	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1
473	450644	Lê Phương Vy	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.9	6.5			7	6.6	8.25	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1
474	450412	Bùi Nguyễn Hồng Ngọc	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.1	5.6			7.75	5.6	8.5	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
475	450267	Lê Ngọc Huy	23/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.2	7.4			7.25	5.8	8.75	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
476	450316	Dương Thị Khánh Linh	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.5	6.1			8.25	5.8	7.75	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
477	450514	Phạm Tá Quyền	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.7	7			8	5.8	8	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
478	450028	Đoàn Bảo Anh	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.8	7.1			7.5	6.8	7.5	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
479	450191	Nguyễn Đình Đồng	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.7	8.3			7	6	8.75	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
480	450606	Lê Anh Tuấn	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.9	6.7			7	7	7.75	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
481	450416	Lê Phương Bảo Ngọc	29/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.1	6.7			8.5	6	7.25	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
482	450310	Nguyễn Đức Anh Kiệt	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.3	8.2			7.5	6.2	8	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
483	450388	Trần Sỹ Minh	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.7	7.1			8.25	7.2	6.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
484	450620	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	23/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.1	8.6			6.5	7.2	8	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
485	450579	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.2	7.2			8	6.2	7.5	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
486	450440	Lê Thị Yến Nhi	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.7	6.4			8.5	5.2	8	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
487	450598	Lôi Xuân Trường	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	6.6	8			5.25	8.2	8.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
488	450295	Lương Duy Khánh	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.3	6.9	1		7.75	5.4	7.5	20.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
489	450219	Lê Minh Hải	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.3	7.1			8	5.4	8.25	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
490	450030	Đỗ Nam Anh	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8	7.2			8.25	5.4	8	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
491	450239	Lê Tuyền Hiếu	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.2	7.3			6.25	7.4	8	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
492	450240	Lê Văn Hiếu	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	7.9	8.1			6.5	7.4	7.75	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
493	450140	Lý Xuân Dũng	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.9	7.2	6.3			7	6.4	8.25	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
494	450271	Lê Xuân Huy	20/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.4	7.8			7.5	6.4	7.75	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
495	450399	Lê Hải Nam	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.8	8	8.3			6.75	7.6	7.25	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
496	450015	Trần Khánh An	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.8	6.8			8	6.6	7	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
497	450400	Lê Xuân Nam	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.6	7.5			7.25	6.6	7.75	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
498	450107	Lê Ngọc Bảo Châu	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	8	6.4			7.75	5.6	8.25	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
499	450603	Nguyễn Tuấn Tú	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.8	7.1	5.9			7.5	6.6	7.5	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
500	450017	Trần Thị Thúy An	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.9	6.9			8.25	5.8	7.5	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
501	450383	Nguyễn Quang Minh	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.8	8.1	8.2			7.75	6.8	7	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
502	450306	Nguyễn Lưu Trung Kiên	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	6.8	6.5			8	5.8	7.75	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
503	450044	Lê Thị Phương Anh	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.5	6.8			7.75	5.8	8	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
504	450461	Lê Bằng Phi	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	8	7.6			7.75	5.8	8	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
505	450222	Phạm Trung Hải	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.5	7.1			6.25	7	8.25	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
506	450311	Trần Anh Kiệt	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.8	6.7			6.75	7	7.75	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
507	450422	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.3	6.4			7.75	6	7.75	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
508	450154	Dương Khắc Châu Dương	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.6	6.4			8.25	5	8.25	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
509	450398	Hồ Phương Nam	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.3	7.1			7.75	6	7.75	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
510	450046	Lê Trần Bảo Anh	12/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.2	8			8	6	7.5	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
511	450101	Lê Thị Ngọc Bích	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.8	8			7	6	8.5	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
512	450276	Phan Quang Huy	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.5	6.5			5.5	8	8	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
513	450643	Lê Nguyễn Bảo Vy	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.9	9			5.5	8.2	7.75	21.45	21.45		Đỗ NV1 - Lần 1
514	450384	Nguyễn Quốc Minh	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.5	7			6	7.2	8.25	21.45	21.45		Đỗ NV1 - Lần 1
515	450329	Nguyễn Hà Linh	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7	6.8			7.25	6.2	8	21.45	21.45		Đỗ NV1 - Lần 1
516	450250	Lê Đỗ Huy Hoàng	24/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.6	5.3			7	6.4	8	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
517	450184	Lê Văn Hải Đăng	02/11/2011	Thành phố Huế	T	K		8.6	7.7	6.7			6.25	6.4	8.75	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
518	450456	Trịnh Hồng Nhung	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.2	7.1	6.6			7.75	7.4	6.25	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
519	450333	Nguyễn Thị Khánh Linh	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	7			7.25	6.4	7.75	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
520	450060	Nguyễn Phương Anh	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.9	5.7			7	6.6	7.75	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
521	450458	Nguyễn Bảo Như	11/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.2	8.2	8			7.5	5.6	8.25	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
522	450396	Dương Văn Nam	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.7	6.2	6			6.75	6.6	8	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
523	450200	Dương Ngọc Giang	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.3	5.6	6.4			7.25	5.6	8.5	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
524	450533	Dương Đình Thành	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.5	7			6.5	7.6	7.25	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
525	450014	Thiều Khắc Trường An	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.1	5.7			7	5.6	8.75	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
526	450519	Trần Thị Như Quỳnh	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	8.5	6.1			7.5	6.6	7.25	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
527	450570	Lê Thị Thanh Trà	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8	6.9			7.25	5.8	8.25	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
528	450588	Nguyễn Thị Bảo Trân	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.4	8			8	5	8.25	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
529	450601	Lê Hữu Thiên Tú	01/11/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8	7.1	6.7			7.75	5	8.5	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
530	450077	Trương Châu Anh	24/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	7.3			7.5	6	7.75	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
531	450147	Lê Đình Duy	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7	7.1			7.5	6	7.75	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
532	450010	Ngô Thị Khánh An	09/11/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	Đ		6.6	6.9	6.2			8.25	6	7	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
533	450317	Dương Thị Thuý Linh	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.4	6.1			7.25	6.2	7.75	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
534	450006	Lê Hữu Thành An	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	8.5	7.1			8.5	5.2	7.5	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
535	450073	Tô Văn Đức Anh	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.6	6.9			8	5.2	8	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
536	450038	Lê Nguyễn Hoàng Anh	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.2	6.1			8	4.4	8.75	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
537	450521	Lê Văn Sáng	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.3	6.7			7.25	6.4	7.5	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
538	450067	Nguyễn Thị Phương Anh	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.3	7			8.25	5.4	7.5	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
539	450544	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.5	6.1			7.5	6.4	7.25	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
540		Hoàng Minh Đạt	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa															Tuyển thẳng

Danh sách này gồm có 540 thí sinh trúng tuyển

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÁN BỘ DUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG KT&KĐCLGD

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026

(Ký và đóng dấu)